

SỞ GD&ĐT BÌNH PHƯỚC
ĐỀ CHÍNH THỨC

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN THI: ĐỊA LÍ

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Mạng lưới đường sắt nước ta

- A. chạy qua nhiều trung tâm kinh tế. B. hiện nay đã đạt trình độ hiện đại.
C. phân bố đồng đều giữa các vùng. D. đã gắn kết các vùng núi với nhau.

Câu 2: Nước ta có vị trí địa lí

- A. phía tây bán đảo Đông Dương. B. trên các vành đai sinh khoáng.
C. giáp với Biển Đông rộng lớn. D. ở gần với trung tâm Châu Á.

Câu 3: Nhận định nào sau đây **không** đúng về khai thác thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Diện tích trồng chè lớn nhất cả nước. B. Dẫn đầu cả nước về đàn trâu.
C. Khai thác than chủ yếu ở Quảng Ninh. D. Nhiều nhà máy thủy điện lớn nhất cả nước.

Câu 4: Đô thị nước ta hiện nay

- A. hầu hết tập trung ở đồi núi. B. có mật độ dân cư thưa thớt.
C. có nhiều lao động kĩ thuật. D. hoàn toàn thuộc quy mô lớn.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch nước ta hiện nay?

- A. Phân bố rộng khắp các vùng. B. Tài nguyên du lịch kém đa dạng.
C. Số lượng khách luôn cố định. D. Hà Nội là trung tâm du lịch vùng.

Câu 6: Thuận lợi về tự nhiên để phát triển giao thông vận tải biển của Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đầm phá, vũng vịnh rộng, các cánh rừng ngập mặn.
B. đường bờ biển dài, nhiều vịnh nước sâu, kín gió.
C. nguồn lợi thủy sản phong phú, nhiều bãi cá, tôm.
D. nhiều bãi biển, đảo, quần đảo, vịnh biển đẹp.

Câu 7: Biểu hiện của sự suy giảm tài nguyên đất ở đồi núi nước ta là

- A. xói mòn. B. nhiễm mặn. C. nhiễm phèn. D. phù sa giảm.

Câu 8: Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế của nước ta hiện nay đang chuyển dịch theo hướng

- A. không có thay đổi tỉ trọng ở các ngành. B. giảm tỉ trọng ở công nghiệp - xây dựng.
C. tăng tỉ trọng ở nông - lâm - ngư nghiệp. D. tăng tỉ trọng ở nhóm các ngành dịch vụ.

Câu 9: Nhóm cây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích ngành trồng trọt ở nước ta hiện nay là

- A. cây rau đậu. B. cây lương thực. C. cây ăn quả. D. cây công nghiệp.

Câu 10: Đông Nam Bộ chủ yếu phát triển mạnh cây

- A. lúa. B. cao su. C. dược liệu. D. dừa.

Câu 11: Tỉnh, thành phố nào sau đây **không** thuộc Đồng bằng sông Hồng?

- A. Bắc Ninh. B. Hải Phòng. C. Hà Nam. D. Bắc Giang.

Câu 12: Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay là

- A. năng lượng tái tạo. B. nhiệt điện. C. nguồn điện khác. D. thủy điện.

Câu 13: Hoạt động nội thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. nông thôn đổi mới, đời sống nhiều tiến bộ. B. dân số tăng nhiều, phân bố được mở rộng.
C. các đô thị mở rộng, hội nhập quốc tế sâu. D. sản xuất phát triển, chất lượng sống tăng.

Câu 14: Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung Bộ có vai trò chủ yếu nào sau đây?

- A. Giữ gìn nguồn gen của các loài sinh vật quý hiếm.
B. Hạn chế tác hại của lũ lên đột ngột trên các sông.
C. Bảo vệ môi trường sống của động vật hoang dã.
D. Chắn gió, bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy.

Câu 15: Cho bảng số liệu sau:

**Diện tích rừng và sản lượng gỗ khai thác của nước ta
giai đoạn 2010 - 2021**

Số TT	Chỉ tiêu	Năm		
		2010	2015	2021
1	Tổng diện tích rừng (triệu ha)	13,4	14,1	14,7
	- Rừng tự nhiên	10,3	10,2	10,1
	- Rừng trồng	3,1	3,9	4,6
2	Sản lượng gỗ khai thác (triệu m ³)	4,0	11,4	18,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2016, 2021)

Nhận xét nào sau đây **không** đúng với bảng số liệu trên?

- A. Diện tích rừng tự nhiên luôn lớn hơn rừng trồng.

- B.** Tổng diện tích rừng của nước ta có xu hướng tăng.
- C.** Sản lượng gỗ khai thác tăng liên tục, tăng 14,4 triệu m³.
- D.** Tổng diện tích rừng tăng nhanh hơn sản lượng gỗ khai thác.

Câu 16: Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ nước ta?

- A.** Gió mùa Tây Nam.
- B.** Gió phơn Tây Nam.
- C.** Tín phong bán cầu Bắc.
- D.** Gió mùa Đông Bắc.

Câu 17: Sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa Tây Nguyên và sườn Đông Trường Sơn chủ yếu do tác động kết hợp của

- A.** dãy núi Trường Sơn và các loại gió hướng tây nam, gió hướng đông bắc.
- B.** các gió hướng tây nam nóng ẩm và địa hình núi, cao nguyên, đồng bằng.
- C.** địa hình núi đồi, cao nguyên và các hướng gió thổi qua biển trong năm.
- D.** gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc và hai sườn dãy núi Trường Sơn.

Câu 18: Giải pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A.** bố trí các khu dân cư hợp lý và xây dựng các hệ thống đê.
- B.** phân bổ lại dân cư và sử dụng hiệu quả nguồn lao động.
- C.** khai thác tổng hợp tài nguyên biển và bảo vệ môi trường.
- D.** sử dụng hợp lý tài nguyên và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Hàng năm, lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn, tổng số giờ nắng tùy nơi từ 1400 đến 3000 giờ/năm. Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm khiến cho nhiệt độ trung bình năm cao, vượt tiêu chuẩn khí hậu nhiệt đới. Nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc đều lớn hơn 20°C (trừ vùng núi cao). Nước ta có lượng mưa lớn, trung bình năm từ 1500 đến 2000 mm. Ở những sườn núi đón gió biển và các khối núi cao, lượng mưa trung bình có thể lên đến 3500 – 4000 mm. Khí hậu Việt Nam còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa.

- a)** Nội dung trên thể hiện khí hậu nước ta là khí hậu nhiệt đới.
- b)** Nhiệt độ trung bình của nước ta cao chủ yếu do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
- c)** Nước ta có lượng mưa lớn là do các khối khí di chuyển qua biển.
- d)** Tổng số giờ nắng trên lãnh thổ nước ta dao động tùy nơi từ 1400 đến 3000 giờ/năm, nguyên

nhân chủ yếu là do vị trí địa lí, sự thay đổi góc nhập xạ, ảnh hưởng của địa hình và gió mùa mùa đông.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Công nghiệp dệt, may và giày, dép đóng vai trò quan trọng trong ngành công nghiệp của Việt Nam, đó là một trong những lĩnh vực sản xuất lớn và có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế, tạo ra nhiều việc làm và góp phần quan trọng vào GDP của đất nước. Trong các thập kỉ gần đây, Việt Nam đã thu hút được sự đầu tư từ các công ty lớn trong ngành công nghiệp dệt, may và sản xuất giày dép từ nhiều quốc gia trên thế giới.

a) Công nghiệp dệt, may và giày, dép là ngành công nghiệp thế mạnh và truyền thống của nước ta.

b) Nhiều thương hiệu dệt, may trang phục, giày, dép đã tạo dựng được uy tín ở thị trường trong và ngoài nước.

c) Công nghiệp dệt, may và giày, dép phân bố rộng rãi khắp cả nước, trong đó tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên.

d) Sự phát triển ngành công nghiệp dệt, may và giày, dép ở nước ta không chỉ do nước ta có nguồn lao động đông, chi phí lao động rất thấp mà còn có nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng là một trong những vùng kinh tế phát triển mạnh mẽ hàng đầu của cả nước, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ. Ngành dịch vụ tại đây không chỉ bao gồm các dịch vụ truyền thống như thương mại, giáo dục, y tế mà còn mở rộng ra các lĩnh vực hiện đại như tài chính, ngân hàng, du lịch và công nghệ thông tin. Sự phát triển nhanh chóng của ngành dịch vụ đã và đang đóng góp quan trọng vào sự thịnh vượng và tăng trưởng bền vững của Đồng bằng sông Hồng.

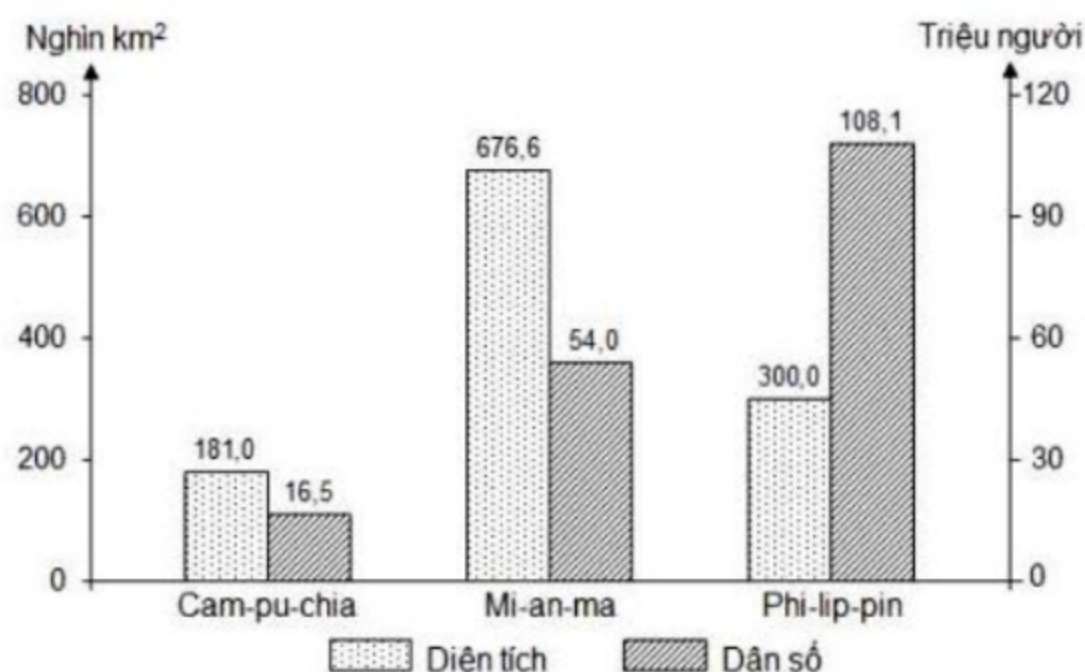
a) Dịch vụ là ngành kinh tế chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GRDP của Đồng bằng sông Hồng.

b) Cơ cấu ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng đa dạng và đang phát triển theo hướng hiện đại, hội nhập.

c) Lĩnh vực dịch vụ kinh doanh của vùng phát triển mạnh mẽ như thương mại, giáo dục, y tế, tài chính ngân hàng, du lịch.

d) Yếu tố lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, điều kiện tự nhiên thuận lợi, lao động đông là nguyên nhân chủ yếu làm cho dịch vụ của vùng phát triển nhanh chóng.

Câu 4: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ diện tích và dân số của một số quốc gia năm 2019

(Số liệu theo Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2019, NXB Thống kê, 2020)

- a) Mi-an-ma có diện tích lớn nhất, Phi-lip-pin có dân số đông nhất.
- b) Mật độ dân số của Mi-an-ma cao hơn mật độ dân số của Cam-pu-chia.
- c) Cam-pu-chia có dân số, diện tích thấp nhất nhưng mật độ dân số cao nhất.
- d) Mật độ dân số của Phi-lip-pin cao nhất và cao gấp 4,5 lần mật độ dân số của Mi-an-ma.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội và Cà Mau năm 2022 (Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8
Cà Mau	27,1	27,9	28,0	28,7	28,6	28,7	27,9	27,8	27,4	27,7	26,7	26,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội thấp hơn nhiệt độ trung bình năm của Cà Mau bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Diện tích, sản lượng lạc ở Bắc Trung Bộ năm 2015 và năm 2021

Năm	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
2015	57,2	114,6
2021	41,9	104,0

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất lạc của Bắc Trung Bộ năm 2021 tăng bao nhiêu tạ/ha so với năm 2015 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3: Năm 2021, số dân nước ta là 98,5 triệu người, lực lượng lao động nước ta chiếm 51,4% số dân. Cho biết số lượng lao động nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4: Năm 2021, sản lượng điện phát ra của nước ta là 244,9 tỉ kWh, số dân là 98,5 triệu người. Hãy cho biết sản lượng điện bình quân đầu người của nước ta năm 2021 là bao nhiêu kWh/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5: Năm 2021, trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta đạt 336,1 tỉ USD, trị giá nhập khẩu hàng hóa đạt 332,9 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Diện tích cây công nghiệp lâu năm của nước ta giai đoạn 2010 - 2021

Năm	2010	2015	2020	2021
Diện tích cây công nghiệp lâu năm (nghìn ha)	2010,5	2154,5	2185,8	2204,9

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2016, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng diện tích cây công nghiệp lâu năm của nước ta năm 2021 so với năm 2010 là bao nhiêu phần trăm (coi diện tích năm 2010 bằng 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----- **HẾT** -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.A	2.C	3.C	4.C	5.A	6.B	7.A	8.D	9.B	10.B
11.D	12.B	13.D	14.D	15.D	16.C	17.A	18.D		

Câu 1: Mạng lưới đường sắt nước ta

- A.** chạy qua nhiều trung tâm kinh tế.
C. phân bố đồng đều giữa các vùng.

- B.** hiện nay đã đạt trình độ hiện đại.
D. đã gắn kết các vùng núi với nhau.

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành giao thông vận tải nước ta (phần ngành đường sắt).

Cách giải:

Mạng lưới đường sắt nước ta chạy qua nhiều trung tâm kinh tế.

B, C, D sai vì mạng lưới đường sắt nước ta hiện nay chưa đạt đến trình độ hiện đại, phân bố không đều (tập trung nhiều ở miền Bắc), chứ gắn kết hoàn toàn các vùng núi với nhau.

Chọn A.

Câu 2: Nước ta có vị trí địa lí

- A.** phía tây bán đảo Đông Dương.
C. giáp với Biển Đông rộng lớn.

- B.** trên các vành đai sinh khoáng.
D. ở gần với trung tâm Châu Á.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.

Cách giải:

Nước ta có vị trí địa lí giáp với Biển Đông rộng lớn.

A, B, D sai vì nước ta nằm ở phía đông bán đảo Đông Dương, tiếp giáp với các vành đai sinh khoáng, ở phía đông nam châu Á, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.

Chọn C.

Câu 3: Nhận định nào sau đây **không** đúng về khai thác thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Diện tích trồng chè lớn nhất cả nước.

B. Dẫn đầu cả nước về đàn trâu.

C. Khai thác than chủ yếu ở Quảng Ninh.

D. Nhiều nhà máy thủy điện lớn nhất cả nước.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh phát triển kinh tế Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Khai thác than chủ yếu ở Quảng Ninh là nhận định không đúng về khai thác thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ vì hiện nay, Quảng Ninh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng.

Chọn C.

Câu 4: Đô thị nước ta hiện nay

A. hầu hết tập trung ở đồi núi.

B. có mật độ dân cư thưa thớt.

C. có nhiều lao động kỹ thuật.

D. hoàn toàn thuộc quy mô lớn.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm đô thị hóa.

Cách giải:

Đô thị nước ta hiện nay có nhiều lao động kỹ thuật.

A, B, D sai vì đô thị nước ta hiện nay tập trung chủ yếu ở đồng bằng, có mật độ dân cư đông đúc, nhiều đô thị quy mô nhỏ và vừa.

Chọn C.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch nước ta hiện nay?

A. Phân bố rộng khắp các vùng.

B. Tài nguyên du lịch kém đa dạng.

C. Số lượng khách luôn cố định.

D. Hà Nội là trung tâm du lịch vùng.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành du lịch nước ta.

Cách giải:

Phân bố rộng khắp các vùng là phát biểu đúng về du lịch nước ta hiện nay.

B, C, D sai vì nước ta có tài nguyên du lịch đa dạng (gồm cả tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn); số khách thay đổi theo thời gian, có Hà Nội là trung tâm du lịch quốc gia.

Chọn A.

Câu 6: Thuận lợi về tự nhiên để phát triển giao thông vận tải biển của Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. đầm phá, vũng vịnh rộng, các cánh rừng ngập mặn.

B. đường bờ biển dài, nhiều vịnh nước sâu, kín gió.

C. nguồn lợi thủy sản phong phú, nhiều bãi cá, tôm.

D. nhiều bãi biển, đảo, quần đảo, vịnh biển đẹp.

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Thuận lợi về tự nhiên để phát triển giao thông vận tải biển của Duyên hải Nam Trung Bộ là đường bờ biển dài, nhiều vịnh nước sâu, kín gió.

A sai vì các cánh rừng ngập mặn không phải là điều kiện thuận lợi cho giao thông vận tải biển. Hơn nữa, vịnh biển rộng thôi chưa đủ, phải là vũng vịnh sâu.

C sai vì đó là điều kiện thuận lợi cho ngành khai thác thủy, hải sản.

D sai vì đó là điều kiện thuận lợi phát triển ngành du lịch biển, đảo.

Chọn B.

Câu 7: Biểu hiện của sự suy giảm tài nguyên đất ở đồi núi nước ta là

A. xói mòn.

B. nhiễm mặn.

C. nhiễm phèn.

D. phù sa giảm.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: đồi núi.

Dựa vào nội dung sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên (phần suy giảm tài nguyên đất).

Cách giải:

Biểu hiện của sự suy giảm tài nguyên đất ở đồi núi nước ta là xói mòn.

B, C, D sai vì nhiễm mặn, nhiễm phèn, phù sa giảm là biểu hiện của sự suy giảm tài nguyên đất ở đồng bằng nước ta.

Chọn A.

Câu 8: Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế của nước ta hiện nay đang chuyển dịch theo hướng

- A. không có thay đổi tỉ trọng ở các ngành. B. giảm tỉ trọng ở công nghiệp - xây dựng.
C. tăng tỉ trọng ở nông - lâm - ngư nghiệp. D. tăng tỉ trọng ở nhóm các ngành dịch vụ.

Câu 8 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm lao động nước ta (phần sự chuyển dịch cơ cấu lao động).

Cách giải:

Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế của nước ta hiện nay đang chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng ở nhóm các ngành dịch vụ và công nghiệp - xây dựng; giảm tỉ trọng ở nông - lâm - ngư nghiệp.

Chọn D.

Câu 9: Nhóm cây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích ngành trồng trọt ở nước ta hiện nay là

- A. cây rau đậu. B. cây lương thực. C. cây ăn quả. D. cây công nghiệp.

Câu 9 (NB):**Phương pháp:**

Dựa vào hiện trạng phát triển và phân bố ngành nông nghiệp (phần ngành trồng trọt).

Cách giải:

Nhóm cây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích ngành trồng trọt ở nước ta hiện nay là cây lương thực.

Chọn B.

Câu 10: Đông Nam Bộ chủ yếu phát triển mạnh cây

- A. lúa. **B. cao su.** C. dược liệu. D. dừa.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào phát triển các ngành kinh tế Đông Nam Bộ (phần ngành trồng trọt).

Cách giải:

Đông Nam Bộ chủ yếu phát triển mạnh cây cao su. Đây là vùng có diện tích trồng cao su lớn nhất cả nước.

Chọn B.

Câu 11: Tỉnh, thành phố nào sau đây **không** thuộc Đồng bằng sông Hồng?

- A. Bắc Ninh. **B. Hải Phòng.** C. Hà Nam. **D. Bắc Giang.**

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào khái quát về vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Bắc Giang **không** thuộc Đồng bằng sông Hồng, tỉnh này thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Chọn D.

Câu 12: Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay là

- A. năng lượng tái tạo. **B. nhiệt điện.** C. nguồn điện khác. D. thủy điện.

Câu 12 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp sản xuất điện ở nước ta.

Cách giải:

Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay là nhiệt điện. Năm 2021, nhiệt điện chiếm 56,2% trong cơ cấu sản lượng điện nước ta.

Chọn B.

Câu 13: Hoạt động nội thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. nông thôn đổi mới, đời sống nhiều tiến bộ. **B. dân số tăng nhiều, phân bố được mở rộng.**

C. các đô thị mở rộng, hội nhập quốc tế sâu.

D. sản xuất phát triển, chất lượng sống tăng.

Câu 13 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào ngành thương mại nước ta (phần ngành nội thương).

Cách giải:

Hoạt động nội thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do sản xuất phát triển, chất lượng sống tăng. Khi sản xuất phát triển, nguồn cung hàng hóa trong nước trở nên dồi dào và đa dạng hơn. Đồng thời, chất lượng cuộc sống tăng lên dẫn đến nhu cầu tiêu dùng cao hơn, đa dạng hơn và khả năng chi trả tốt hơn. Đây là động lực chủ yếu thúc đẩy hoạt động nội thương ngày càng phát triển mạnh mẽ.

- A sai vì mặc dù đời sống ở nông thôn được cải thiện góp phần vào sự phát triển của nội thương, nhưng đây không phải là yếu tố chủ yếu. Nội thương còn phát triển mạnh mẽ ở các khu vực đô thị.
- B sai vì dân số tăng tạo ra thị trường tiêu thụ lớn hơn, nhưng sự phát triển của nội thương còn phụ thuộc vào khả năng chi trả và nhu cầu tiêu dùng, không chỉ đơn thuần là số lượng người. Việc phân bố dân cư rộng hơn có thể mở rộng mạng lưới thương mại, nhưng không phải là động lực chính cho sự phát triển ngành nội thương.
- C sai vì hội nhập quốc tế sâu là nguyên nhân giúp ngành ngoại thương phát triển.

Chọn D.

Câu 14: Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung Bộ có vai trò chủ yếu nào sau đây?

- A. Giữ gìn nguồn gen của các loài sinh vật quý hiếm.
- B. Hạn chế tác hại của lũ lên đột ngột trên các sông.
- C. Bảo vệ môi trường sống của động vật hoang dã.
- D. Chắn gió, bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy.**

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Gạch chân từ khóa: ven biển.

Dựa vào thế mạnh, hạn chế để hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung Bộ có vai trò chủ yếu là chắn gió, bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy.

B sai vì đó là vai trò của việc trồng rừng đầu nguồn (rừng phòng hộ).

A, C sai vì đó là vai trò của rừng đặc dụng.

Chọn D.

Câu 15: Cho bảng số liệu sau:

**Diện tích rừng và sản lượng gỗ khai thác của nước ta
giai đoạn 2010 - 2021**

Số TT	Năm		2010	2015	2021
	Chỉ tiêu				
1	Tổng diện tích rừng (triệu ha)		13,4	14,1	14,7
	- Rừng tự nhiên		10,3	10,2	10,1
	- Rừng trồng		3,1	3,9	4,6
2	Sản lượng gỗ khai thác (triệu m ³)		4,0	11,4	18,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2016, 2021)

Nhận xét nào sau đây **không** đúng với bảng số liệu trên?

A. Diện tích rừng tự nhiên luôn lớn hơn rừng trồng.

B. Tổng diện tích rừng của nước ta có xu hướng tăng.

C. Sản lượng gỗ khai thác tăng liên tục, tăng 14,4 triệu m³.

D. Tổng diện tích rừng tăng nhanh hơn sản lượng gỗ khai thác.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào bảng số liệu và lựa chọn nhận xét không đúng.

Lưu ý: để biết tăng nhanh/chậm ta lấy giá trị năm sau chia giá trị năm trước.

Cách giải:

Tổng diện tích rừng tăng nhanh hơn sản lượng gỗ khai thác là nhận xét không đúng vì:

- Tổng diện tích rừng tăng: $14,7/13,4 = 1,1$ lần.

- Sản lượng gỗ khai thác tăng: $18,4/4,0 = 4,6$ lần.

=> Tổng diện tích rừng tăng chậm hơn sản lượng gỗ khai thác

Chọn D.

Câu 16: Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ nước ta?

A. Gió mùa Tây Nam.

B. Gió phơn Tây Nam.

C. Tín phong bán cầu Bắc.

D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 16 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).¹⁰

Cách giải:

Tín phong bán cầu Bắc là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau).

Do thời gian này, Nam Bộ không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc ở phía Bắc nên từ Đà Nẵng trở vào (16°B), Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế, gây mưa cho khu vực Trung Bộ và là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên và Nam Bộ.

A sai vì gió mùa Tây Nam gây mưa lớn cho Nam Bộ.

B sai vì gió phơn Tây Nam tác động ở khu vực ven biển Trung Bộ.

D sai vì Nam Bộ không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Chọn C.

Câu 17: Sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa Tây Nguyên và sườn Đông Trường Sơn chủ yếu do tác động kết hợp của

A. dãy núi Trường Sơn và các loại gió hướng tây nam, gió hướng đông bắc.

B. các gió hướng tây nam nóng ẩm và địa hình núi, cao nguyên, đồng bằng.

C. địa hình núi đồi, cao nguyên và các hướng gió thổi qua biển trong năm.

D. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc và hai sườn dãy núi Trường Sơn.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các nguyên nhân gây ra sự đối lập về lượng mưa (lưu ý ở đặc điểm địa hình) và kết hợp với các loại gió thổi ở khu vực Tây Nguyên.

Cách giải:

Sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa Tây Nguyên và sườn Đông Trường Sơn chủ yếu do tác động kết hợp của dãy núi Trường Sơn và các loại gió hướng tây nam, gió hướng đông bắc. Khi Tây Nguyên, Nam Bộ đón các luồng gió hướng tây nam (gió tây nam vào đầu mùa hạ và gió mùa Tây Nam vào giữa và cuối mùa hạ) đem lại mưa lớn thì Đông Trường Sơn đang là mùa khô. Ngược lại Đông Trường Sơn đón các luồng gió hướng đông bắc từ biển vào (Tín phong Bắc bán cầu, gió mùa Đông Bắc) thì Tây Nguyên – Nam Bộ là mùa khô. Các hiện tượng trên đều do dãy núi Trường Sơn

chạy theo hướng tây bắc – đông nam – đây là một bức chắn địa hình gây ra sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa Tây Nguyên và sườn Đông Trường Sơn.

- B, C sai vì gió Tây Nam nóng ẩm gây mưa cho Tây Nguyên, nhưng không giải thích được tại sao sườn Đông Trường Sơn lại khô. Địa hình đa dạng không phải là nguyên nhân của sự đối lập về lượng mưa.

- D sai vì gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc là chưa đủ => đáp án A khái quát hơn.

Chọn A.

Câu 18: Giải pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. bố trí các khu dân cư hợp lý và xây dựng các hệ thống đê.

B. phân bổ lại dân cư và sử dụng hiệu quả nguồn lao động.

C. khai thác tổng hợp tài nguyên biển và bảo vệ môi trường.

D. sử dụng hợp lý tài nguyên và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các đặc điểm tự nhiên của vùng, từ đó tìm ra các giải pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Lưu ý: cần chỉ ra các giải pháp tối ưu và mang tính bền vững.

Cách giải:

Giải pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là sử dụng hợp lý tài nguyên và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

- Sử dụng hợp lý tài nguyên: 11

+ Nước: Quản lý chặt chẽ nguồn nước ngọt, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả trong nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt.

+ Đất: Quy hoạch sử dụng đất hợp lý, bảo vệ đất ngập mặn, hạn chế chuyển đổi đất lúa sang mục đích khác không bền vững.

+ Sinh vật: Bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển các mô hình nông nghiệp sinh thái, nuôi trồng thủy sản bền vững.

- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế:

+ Nông nghiệp: Chuyển đổi sang các mô hình canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu (ví dụ: trồng lúa chịu mặn, nuôi tôm - lúa), phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

+ Thủy sản: Phát triển nuôi trồng các loài có giá trị kinh tế cao, thích ứng với điều kiện mặn lợ, quản

lý khai thác bền vững.

+ Công nghiệp và dịch vụ: Phát triển các ngành ít phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên và ít phát thải khí nhà kính, chú trọng phát triển du lịch sinh thái.

Chọn D.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	SĐSĐ	ĐĐSS	ĐĐSS	ĐSSĐ

Câu 1: Cho thông tin sau:

Hàng năm, lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn, tổng số giờ nắng tùy nơi từ 1400 đến 3000 giờ/năm. Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm khiến cho nhiệt độ trung bình năm cao, vượt tiêu chuẩn khí hậu nhiệt đới. Nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc đều lớn hơn 20°C (trừ vùng núi cao). Nước ta có lượng mưa lớn, trung bình năm từ 1500 đến 2000 mm. Ở những sườn núi đón gió biển và các khối núi cao, lượng mưa trung bình có thể lên đến 3500 – 4000 mm. Khí hậu Việt Nam còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa.

- a) Nội dung trên thể hiện khí hậu nước ta là khí hậu nhiệt đới.
- b) Nhiệt độ trung bình của nước ta cao chủ yếu do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
- c) Nước ta có lượng mưa lớn là do các khối khí di chuyển qua biển.
- d) Tổng số giờ nắng trên lãnh thổ nước ta dao động tùy nơi từ 1400 đến 3000 giờ/năm, nguyên nhân chủ yếu là do vị trí địa lí, sự thay đổi góc nhập xạ, ảnh hưởng của địa hình và gió mùa mùa đông.

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên.

Cách giải:

- a) Sai vì đoạn thông tin có đề cập tới lượng mưa, các mùa gió => Nội dung trên thể hiện khí hậu nước ta là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- b) Đúng. Vùng nội chí tuyến (giữa chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam) là khu vực nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn nhất quanh năm, dẫn đến nhiệt độ cao. Việt Nam nằm hoàn toàn trong vùng nội

chí tuyến là một yếu tố quan trọng quyết định nền nhiệt độ cao.

c) Sai. Nước ta có lượng mưa lớn, trung bình 1500 - 2000mm/năm, nguyên nhân chính là do các khối không khí qua biển mang ẩm vào đất liền kết hợp với hướng, độ cao các dãy núi.

d) Đúng. Tổng số giờ nắng trên lãnh thổ nước ta giao động tùy nơi từ 1400 đến 3000 giờ/năm, nguyên nhân chủ yếu là do vị trí địa lí (vĩ độ khác nhau dẫn đến sự khác biệt về thời gian chiếu sáng trong ngày và trong năm. Các vùng gần xích đạo thường có số giờ nắng nhiều hơn), sự thay đổi góc nhập xạ (góc nhập xạ thay đổi theo mùa và theo vĩ độ, ảnh hưởng đến lượng bức xạ mặt trời nhận được và do đó ảnh hưởng đến số giờ nắng), ảnh hưởng của địa hình (hướng sườn núi ảnh hưởng đến lượng bức xạ nhận được) và gió mùa mùa đông (gió mùa Đông Bắc mang đến thời tiết lạnh ở miền Bắc, làm giảm số giờ nắng ở khu vực này).

Câu 2: Cho thông tin sau:

Công nghiệp dệt, may và giày, dép đóng vai trò quan trọng trong ngành công nghiệp của Việt Nam, đó là một trong những lĩnh vực sản xuất lớn và có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế, tạo ra nhiều việc làm và góp phần quan trọng vào GDP của đất nước. Trong các thập kỉ gần đây, Việt Nam đã thu hút được sự đầu tư từ các công ty lớn trong ngành công nghiệp dệt, may và sản xuất giày dép từ nhiều quốc gia trên thế giới.

a) Công nghiệp dệt, may và giày, dép là ngành công nghiệp thế mạnh và truyền thống của nước ta.

b) Nhiều thương hiệu dệt, may trang phục, giày, dép đã tạo dựng được uy tín ở thị trường trong và ngoài nước.

c) Công nghiệp dệt, may và giày, dép phân bố rộng rãi khắp cả nước, trong đó tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên.

d) Sự phát triển ngành công nghiệp dệt, may và giày, dép ở nước ta không chỉ do nước ta có nguồn lao động đông, chi phí lao động rất thấp mà còn có nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung ngành công nghiệp dệt, may.

Cách giải:

a) Đúng. Công nghiệp dệt, may và giày, dép là ngành công nghiệp thế mạnh (được phát triển mạnh dựa vào nguồn lao động dồi dào, giá rẻ; thị trường tiêu thụ rộng lớn) và truyền thống của nước ta (phát triển từ lâu đời).

b) Đúng.

c) Sai. Công nghiệp dệt, may và giày, dép phân bố rộng rãi khắp cả nước, trong đó tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ.

d) Sai. Mặc dù nguồn lao động dồi dào và chi phí thấp là yếu tố quan trọng, ngành dệt may và da giày của Việt Nam vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguyên liệu nhập khẩu. Nguồn nguyên liệu tại chỗ chưa thực sự phong phú và đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng là một trong những vùng kinh tế phát triển mạnh mẽ hàng đầu của cả nước, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ. Ngành dịch vụ tại đây không chỉ bao gồm các dịch vụ truyền thống như thương mại, giáo dục, y tế mà còn mở rộng ra các lĩnh vực hiện đại như tài chính, ngân hàng, du lịch và công nghệ thông tin. Sự phát triển nhanh chóng của ngành dịch vụ đã và đang đóng góp quan trọng vào sự thịnh vượng và tăng trưởng bền vững của Đồng bằng sông Hồng.

a) Dịch vụ là ngành kinh tế chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GRDP của Đồng bằng sông Hồng.

b) Cơ cấu ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng đa dạng và đang phát triển theo hướng hiện đại, hội nhập.

c) Lĩnh vực dịch vụ kinh doanh của vùng phát triển mạnh mẽ như thương mại, giáo dục, y tế, tài chính ngân hàng, du lịch.

d) Yếu tố lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, điều kiện tự nhiên thuận lợi, lao động đông là nguyên nhân chủ yếu làm cho dịch vụ của vùng phát triển nhanh chóng.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung về một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội Đồng bằng sông Hồng (phần ngành dịch vụ).

Cách giải:

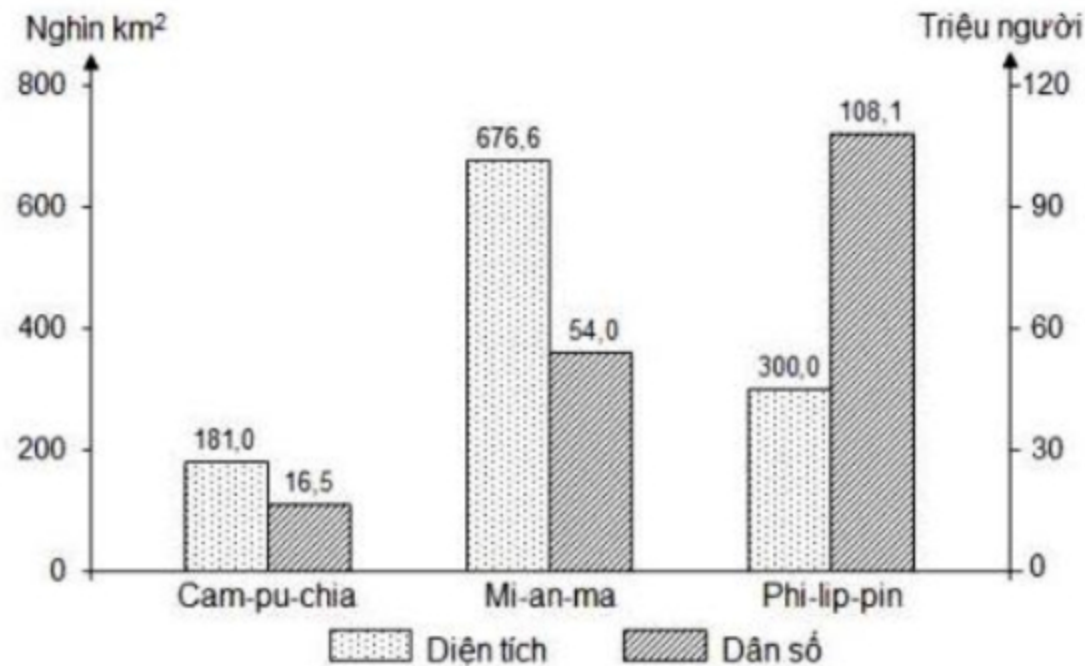
a) Đúng. Đoạn thông tin khẳng định Đồng bằng sông Hồng là vùng kinh tế phát triển mạnh mẽ hàng đầu, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ, và ngành dịch vụ đóng góp quan trọng vào sự thịnh vượng và tăng trưởng bền vững của vùng. Điều này cho thấy dịch vụ có vai trò và quy mô lớn trong cơ cấu kinh tế, rất có khả năng chiếm tỷ trọng cao trong GRDP.

b) Đúng.

c) Sai. Thương mại, giáo dục, y tế, du lịch thuộc nhóm dịch vụ tiêu dùng.

d) Sai. Nguyên nhân chủ yếu làm cho dịch vụ của vùng phát triển nhanh chóng là do các yếu tố về cơ sở hạ tầng, mức sống dân cư, chính sách thu hút vốn đầu tư.

Câu 4: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ diện tích và dân số của một số quốc gia năm 2019

(Số liệu theo Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2019, NXB Thống kê, 2020)

- a) Mi-an-ma có diện tích lớn nhất, Phi-lip-pin có dân số đông nhất.
- b) Mật độ dân số của Mi-an-ma cao hơn mật độ dân số của Cam-pu-chia.
- c) Cam-pu-chia có dân số, diện tích thấp nhất nhưng mật độ dân số cao nhất.
- d) Mật độ dân số của Phi-lip-pin cao nhất và cao gấp 4,5 lần mật độ dân số của Mi-an-ma.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu đồ và công thức:

Mật độ dân số = Số dân/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị.

Cách giải:

a) Đúng. Dựa vào biểu đồ ta có thể thấy Mi-an-ma có diện tích lớn nhất (676,6 nghìn km²), Phi-lip-pin có dân số đông nhất (108,1 triệu người).

b) Sai.

- Mật độ dân số của Mi-an-ma là: $(54,0 \cdot 1000) / 676,7 = 79,8$ người/km².

- Mật độ dân số của Cam-pu-chia là: $(16,5 \cdot 1000) / 181,0 = 91,2$ người/km².

=> Mật độ dân số của Mi-an-ma thấp hơn mật độ dân số của Cam-pu-chia.

c) Sai.

Mật độ dân số của Phi-lip-pin là: $(108,1 \cdot 1000) / 300,0 = 360,3$ người/km².

Kết hợp với phần giải thích ý b $\Rightarrow$ Phi-líp-pin mới là quốc gia có mật độ dân số cao nhất.

d) Đúng. Mật độ dân số của Phi-líp-pin cao nhất và cao gấp: $360,3/79,8 = 4,5$ lần mật độ dân số của Mi-anma.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	2,8	5	50,6	2486	3,2	110

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội và Cà Mau năm 2022 (Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8
Cà Mau	27,1	27,9	28,0	28,7	28,6	28,7	27,9	27,8	27,4	27,7	26,7	26,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội thấp hơn nhiệt độ trung bình năm của Cà Mau bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Cách giải:

Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội thấp hơn nhiệt độ trung bình năm của Cà Mau là:

$$[(27,1 + 27,9 + 28,0 + \dots + 26,6)/12] - [(18,6 + 15,3 + 23,1 + \dots + 17,8)/12] = 2,8^\circ\text{C}$$

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Diện tích, sản lượng lạc ở Bắc Trung Bộ năm 2015 và năm 2021

Năm	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
2015	57,2	114,6
2021	41,9	104,0

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất lạc của Bắc Trung Bộ năm 2021 tăng bao nhiêu

tạ/ha so với năm 2015 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị.

Cách giải:

So với năm 2015, năng suất lạc của Bắc Trung Bộ năm 2021 tăng:

$$(104,0/41,9) - (114,6/57,2) = 0,5 \text{ tấn/ha} = 5 \text{ tạ/ha}$$

Câu 3: Năm 2021, số dân nước ta là 98,5 triệu người, lực lượng lao động nước ta chiếm 51,4% số dân. Cho biết số lượng lao động nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Giá trị thành phần} = (\text{Tỉ lệ giá trị thành phần} \times \text{Tổng giá trị})/100$$

Cách giải:

$$\text{Số lượng lao động nước ta năm 2021 là: } (51,4 \times 98,5)/100 = 50,6 \text{ triệu người}$$

Câu 4: Năm 2021, sản lượng điện phát ra của nước ta là 244,9 tỉ kWh, số dân là 98,5 triệu người. Hãy cho biết sản lượng điện bình quân đầu người của nước ta năm 2021 là bao nhiêu kWh/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Sản lượng bình quân đầu người} = \text{Sản lượng}/\text{Số dân}$$

Lưu ý đổi đơn vị.

Cách giải:

$$\text{Đổi } 244,9 \text{ tỉ kWh} = 244900 \text{ triệu kWh}$$

$$\text{Sản lượng điện bình quân đầu người của nước ta năm 2021 là: } 244900/98,5 = 2486 \text{ kWh/người}$$

Câu 5: Năm 2021, trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta đạt 336,1 tỉ USD, trị giá nhập khẩu hàng hóa đạt 332,9 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Cán cân xuất nhập khẩu = Giá trị xuất khẩu – Giá trị nhập khẩu

Cách giải:

Cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2021 là: $336,1 - 332,9 = 3,2$ tỉ USD

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Diện tích cây công nghiệp lâu năm của nước ta giai đoạn 2010 - 2021

Năm	2010	2015	2020	2021
Diện tích cây công nghiệp lâu năm (nghìn ha)	2010,5	2154,5	2185,8	2204,9

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2016, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng diện tích cây công nghiệp lâu năm của nước ta năm 2021 so với năm 2010 là bao nhiêu phần trăm (coi diện tích năm 2010 bằng 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tốc độ tăng trưởng = $(\text{Giá trị năm cần tính} / \text{Giá trị năm gốc}) * 100$

Cách giải:

Tốc độ tăng trưởng diện tích cây công nghiệp lâu năm của nước ta năm 2021 so với năm 2010 là:
 $(2204,9 / 2010,5) * 100 = 110\%$

----- HẾT -----